

Bản án số: 800/2024/HC-PT

Ngày: 30 - 7 - 2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai về áp
dụng biện pháp khắc phục hậu quả”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Từ

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính
thụ lý số: 83/2024/TLPT-HC ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc: “Khiếu kiện
quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về áp dụng biện pháp khắc
phục hậu quả”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 1578/2023/HC-ST ngày 31 tháng 8
năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng
nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1851/2024/QĐ-PT
ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Mai V (vắng mặt);

Địa chỉ: Số F L, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí
Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1/Ông Nguyễn Văn X (có mặt);

Địa chỉ: Số A Đường A, tổ A, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành
phố Hồ Chí Minh;

2/Ông Bùi Văn T (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1/Ông Phan Bá T1 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T (có mặt);

2/Ông Dương Thành N – Công chức Địa chính-Xây dựng - Đô thị -Môi trường Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản đối thoại cùng các tài liệu chứng cứ của bà Nguyễn Thị Mai V có người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Văn X và ông Bùi Văn T, tại phiên tòa sơ thẩm ông X và ông T trình bày:

Nhà đất do bà Nguyễn Thị Mai V đang sử dụng có diện tích 329,3m², tọa lạc tại địa chỉ A đường A, tổ A, khu phố A, phường L, quận T (địa chỉ do Công an phường L tạm đặt để quản lý nhân khẩu tạm trú và thuận tiện thực hiện các giao dịch).

Đất có nguồn gốc: Do ông Lê Văn Ú tự khai phá đất hoang sử dụng từ cuối năm 1991 (diện tích khoảng 63-64,5m x 34m, có 1 nhà nhỏ khoảng 4m x 6m), khu đất có vị trí: phía Đông giáp ruộng nước, dài: 63m, phía Tây giáp tường rào bệnh viện, dài: 64,5m, phía Nam giáp đường đi, dài: 34m, phía Bắc giáp ao hồ, dài: 34m tọa lạc tại khu phố A, phường L, quận T.

Năm 1993, ông Ú lập giấy tay sang nhượng cho ông Lê Ngọc T2 sử dụng nhưng ông T2 cho ông Ú thuê lại 10 năm để canh tác.

Năm 2001, ông T2 được Ủy ban nhân dân huyện T yêu cầu đóng thuế nhà đất, Biên lai số: 31700, quyển: 0634, số tiền nộp 637.500 đồng, ngày nộp 18/11/2001, nội dung: Truy thu Quý 4/92: 52.500 đồng, 93-95: 621.000 đồng (414 kg).

Ngày 01/01/2002, ông T2 lập hợp đồng viết tay sang nhượng toàn bộ nhà đất cho 06 người (gồm Đinh Ngọc K, Nguyễn Xuân T3, Nguyễn Thị D, Vũ Thị H, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị Mai V) do bà Vũ Thị H đại diện, đến ngày 02/01/2004 những người mua đất thỏa thuận giao cho ông K đại diện xây dựng, coi nói nhà, ngày 26/8/2004 các ông bà: K, T3, D, H, H1 và V tiến hành chia nhà đất và sử dụng cho đến nay.

Tuy nhiên, tháng 02/2003 thực hiện chính sách kê khai nhà đất của Nhà nước để lập Bản đồ năm 2004, ông Ú (người đang thuê đất của ông T2) đã kê khai 1.314m² phần đất nằm ở phía sau (nay thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 54, mục

đích sử dụng: đất rau) còn phần đất 750m² nằm liền phía trước (nay thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 54) do ông Ú được ông T2 thông báo Ủy ban nhân dân huyện T đã yêu cầu ông T2 đóng thuế và ông T2 đã đóng thuế nên ông Ú không kê khai, do vậy trên Bản đồ tổng thể năm 2004 ghi Ủy ban nhân dân quản lý nhưng năm 2008 Chi cục thuế quận T đã có Thông báo yêu cầu ông T2 nộp thuế, cụ thể: mã ĐTN: TD181933, đến nộp thuế năm 2008, cấp chương 15, diện tích 750m², thành tiền 1.311.000 đồng.

Năm 2004, hết thời hạn cho ông Ú thuê đất, các hộ dân tiến hành xây dựng công trình trên đất và Ủy ban nhân dân phường L đã lập Biên bản vi phạm hành chính xây dựng công trình sai phép 6 căn nhà mới (có bản sơ phác mặt bằng vi phạm).

Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T đã căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 27/BB-VPHC ngày 20/7/2017 do Ủy ban nhân dân phường L, quận T lập để ban hành Quyết định số 4876/QĐ-KPHQ ngày 10/8/2017 “Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả” buộc bà V phải khôi phục lại tình trạng đất trước khi vi phạm và trả lại 329,3m² đất đã lấn chiếm.

Bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4876/QĐ-KPHQ ngày 10/8/2017 do quyết định này là trái pháp luật, vì:

- Điều 36 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ “Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” (viết tắt là Nghị định 102/2014/NĐ-CP) quy định: Hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định 102/2014/NĐ-CP có hiệu lực là ngày 25/12/2014 thì áp dụng Nghị định của Chính phủ tại thời điểm vi phạm hành chính để xử lý. Do đó Nghị định 102/2014/NĐ-CP không áp dụng đối với hành vi vi phạm đất đai trước ngày 25/12/2014.

- Quyết định 4876/QĐ-KPHQ quy kết bà V lấn chiếm đất là trái với tinh thần văn bản số 1606/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 01/12/2010 của T4 “V/v cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất” vì Điều 2 của văn bản quy định hành vi lấn chiếm đất phải có văn bản ngăn chặn nhưng người sử dụng đất vẫn cố tình vi phạm. Ở đây bà V sử dụng từ năm 2002, và trước đó ông Ú sử dụng từ năm 1991 và ông T2 từ năm 1993 cũng không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai ban hành văn bản ngăn chặn hành vi lấn chiếm đất. Do đó, quy kết bà V lấn chiếm đất là trái với văn bản số 1606/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 01/12/2010.

- Quyết định 4876/QĐ-KPHQ trái với khoản 2 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 vì khoản 2 quy định: Việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai phải căn cứ vào văn bản, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm về đất đai.

- Đất Công ty C1 đang sử dụng mà Ủy ban nhân dân huyện T giao cho Huyện ủy Thủ Đ sử dụng là không đúng với Điều 21 Luật đất đai năm 1993. Việc thu hồi đất phải thực hiện bằng quyết định và do Ủy ban nhân dân Thành phố H thực hiện mới đúng thẩm quyền, do đó đất vẫn thuộc về công ty C1.

-Phần đất của bà V sử dụng không nằm trong 8,0793ha đất thuộc khu trại heo cũ được Ủy ban nhân dân huyện T đã bàn giao cho Huyện ủy T, có quá trình sử dụng liên tục từ năm 1991 đến nay, không có tranh chấp. Việc Ủy ban nhân dân quận T lợi dụng sơ sót trong đăng ký đất đai của ông T2 để hủy bộ thuế, quy kết bà V lấn chiếm đất là không có căn cứ.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có (có yêu cầu được xét xử vắng mặt), hồ sơ vụ án thể hiện ý kiến trình bày của N1 bị kiện và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Phan Bá T1 và ông Dương Thành N trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Khu đất 329,3m² thuộc một phần các thửa đất số 50, 51, 52 tờ bản đồ số 54-theo tài liệu năm 2004, phường L, quận T.

-Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Trước năm 1975 đất do Dòng chúa cứu thế thuộc tổ chức Thiên chúa giáo sử dụng làm trại chăn nuôi heo. Sau năm 1975, Dòng chúa cứu thế tiếp tục sử dụng. Năm 1978, Nhà nước thu và giao cho Công ty chăn nuôi heo huyện C1 sử dụng.

Năm 1994, Công ty C1 giải thể giao toàn bộ khuôn viên đất đai, nhà xưởng chuồng trại và tài sản cố định cùng vốn lưu động của cơ sở trại heo cho Huyện ủy T5 quản lý sử dụng (Biên bản giao nhận cơ sở chăn nuôi heo lập ngày 05/02/1994).

Ngày 25/3/1994, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 157/QĐ-UB về việc chuyển giao Cơ sở chăn nuôi heo (thuộc Công ty C1 đã giải thể) cho Văn phòng T5 quản lý.

-Về thông tin của khu đất theo sổ bộ:

Từ năm 1975 khu đất thuộc xã T, huyện T quản lý, năm 1987 thuộc xã T, huyện T quản lý. Đến năm 1997 chia tách quận, khu đất thuộc phường L, quận T quản lý.

Theo tài liệu 299/TTg: Thuộc một phần thửa 28, tờ bản đồ thứ 2 (xã T) do UBND xã T đăng ký sử dụng.

Năm 1996, Huyện ủy Thủ Đức có đăng ký kê khai sử dụng đất theo chỉ thị 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng với diện tích 8,0793ha.

Theo tài liệu bản đồ năm 2004: Thuộc một phần các thửa đất số 50, 51, 52 tờ bản đồ số 54 do Ủy ban nhân dân phường L đăng ký.

Khu đất 329,3m² thuộc phần diện tích 1,6ha còn lại vẫn thuộc đất trại chăn nuôi heo và được Ủy ban nhân dân huyện T quản lý trực tiếp cho đến nay.

-Diễn biến xử lý vi phạm hành chính thu hồi khu đất:

Ngày 20/7/2017, Ủy ban nhân dân phường L Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 27/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Thị Mai V. Địa chỉ thường trú : 64 L, khu phố C, phường L, quận T Đức.

Ngày 21/7/2017, Ủy ban nhân dân phường L có Văn bản số 488/UBND“V/v đề xuất xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị Mai V” .

Ngày 10/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 4876/QĐ-KPHQ “Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả” đối với bà Nguyễn Thị Mai V, vì đã có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở diện tích 329,3m² (thuộc khu đất 9,68 ha trại heo Huyện ủy cũ) do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Đối với việc nộp thuế của ông T2, do Ủy ban nhân dân phường L thuê theo kê khai của đương sự nên sau khi phát hiện ông T2 kê khai không đúng, Ủy ban nhân dân phường đã báo cáo Chi cục thuế quận T hủy bộ thuế và không hoàn lại khoản tiền thuế ông T2 đã nộp.

Ngày 17/8/2017, Ủy ban nhân dân phường L đã công bố và giao quyết định số 4876/QĐ-KPHQ cho bà V.

Về thời điểm xác định hành vi bắt đầu lấn chiếm sử dụng của bà V căn cứ theo giấy tay mua bán đất tự lập trái pháp luật để làm cơ sở xác định thời gian bà V bắt đầu sử dụng trái phép khu đất và hành vi đó lấn chiếm liên tục tiếp diễn cho đến nay. Mặt khác, Ủy ban nhân dân phường L đã cấm băng cảnh báo đất Nhà nước quản lý và thông báo tháo dỡ các công trình xây dựng tạm, trả lại mặt bằng.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà V mà ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 về những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T nhận thấy đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục đối với việc ban hành Quyết định số 4876/QĐ-KPHQ ngày 10 tháng 8 năm 2017 “V/v áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả”. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Đinh Ngọc K và ông Nguyễn Văn X đã có lời khai tại hồ sơ trình bày:

Ông K và ông X khẳng định bà V sử dụng đất do sang nhượng của ông Lê Ngọc T2 chứ không lấn chiếm đất. Đất có nguồn gốc sử dụng từ năm 1991 do ông Lê Văn Ú khai phá sử dụng đến năm 1993, ông Ú sang nhượng cho ông Lê Ngọc T2, ông T2 đã nộp thuế nhà đất. Sau đó, ông T2 sang nhượng cho bà Nguyễn Thị Mai V sử dụng từ năm 2002 đến nay. Việc Ủy ban nhân dân quận T cho rằng phần đất này đã giao cho Huyện ủy Thủ Đức quản lý tại thời điểm năm 1994 là không đúng, thực tế tại thời điểm giao đất cho Huyện ủy Thủ Đức thì đất đang do ông T2 sử dụng. Nếu giao đất cho Huyện ủy thì trước khi thực hiện quyết định giao đất, Ủy ban nhân dân quận T chưa tiến hành thu hồi đất do ông T2 sử dụng. Vì vậy, quyết định giao đất đó trái với Điều 21 của Luật đất đai năm 1993 nên quyết định đó vô hiệu.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1578/2023/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai V có ông Nguyễn Văn X và ông Bùi Văn T làm đại diện.

Hủy nội dung “và trả lại đất đã chiếm” tại dòng thứ 6 (từ trên xuống), trang 2 của Quyết định số 4876/QĐ-KPHQ ngày 10/8/2017 “V/v áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả” Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 12/9/2023 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T kháng cáo bản án sơ thẩm;

- Ngày 14/9/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 6954/QĐ-VKS-HC kháng nghị bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Mai V (có ông Nguyễn Văn X là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu: Phần đất mà bà V xử phạt vi phạm hành chính là do Nhà nước quản lý. Nguồn gốc đất trước năm 1975 đất do Dòng chúa cứu thế thuộc tổ chức Thiên chúa giáo sử dụng làm trại chăn nuôi heo. Sau năm 1975, Dòng chúa cứu thế tiếp tục sử dụng. Năm 1978, Nhà nước thu và giao cho Công ty chăn nuôi heo huyện C1 sử dụng. Năm 1994 Ủy ban nhân dân huyện T có giao một phần cho huyện ủy quản lý. Huyện ủy đã giao cho ông T2 quản lý, nhưng quá trình quản lý tháng 01/2002 ông T2 chuyển nhượng phần đất cho nhiều người khác là trái quy định pháp luật. Năm 1998 Ủy ban nhân dân Thành phố H có giao khu đất cho công ty P thực hiện dự án, nhưng sau đó dự án không thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà V

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Thửa đất số 50, 51 là do người nhà ông Lê Văn Ú kê khai đứng tên, đã sử dụng từ năm 1991. Năm 2001 ông T2 nộp thuế và truy thu từ năm 1991. Khi Ủy ban nhân dân giao ông T2 trông nom khu đất thì không có mốc giới cụ thể. Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Nguồn gốc diện tích đất của bà V thuộc một phần thửa 50, 51, 52 trước năm 1975 khu đất do Dòng chúa cứu thế sử dụng làm trại heo, năm 1980 bị Nhà nước tịch thu theo bản án hình sự, năm 1994 Ủy ban nhân dân xã T đăng ký theo chỉ thị 299/TTg, ngày 25/3/1994 Ủy ban nhân dân huyện T giao cho văn phòng huyện ủy, sau đó chuyển giao cho công ty P để thực hiện dự án đầu tư khai thác khu đất cơ sở chăn nuôi heo. Ngày 24/12/1999 Ủy ban nhân dân Thành phố H có văn bản chấp thuận đề nghị của Kiến trúc sư Trưởng Thành phố về hoán đổi diện tích 9,68ha tại vị trí khác cho Công ty P, do khu đất này được xử lý bùn. Ngày 13/3/2001 Ủy ban nhân dân quận T có văn bản giao toàn bộ khu đất cho công ty C1. Ngày 19/6/2001 công ty C1 đã ký hợp đồng giao cho ông T2 bảo vệ khu đất. Quá trình quản lý ông T2 có báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện, nhưng sau đó ông T2 chuyển nhượng phần đất cho người khác bằng giấy tay. Do vậy không có cơ sở xác định nguồn gốc đất do ông U khai phá.

Theo bà V thì quá trình sử dụng ông T2 có kê khai, nộp thuế nhưng căn cứ văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân phường thì vị trí khu đất là đất công, nên Ủy ban nhân dân phường ngưng thu thuế và sau đó xóa thu thuế. Ngoài ra, bà V không thường xuyên cư trú tại địa chỉ khu đất.

Bà V không đăng ký kê khai phần đất, Ủy ban nhân dân xã Đ1 đăng ký kê khai khu đất, bản đồ hiện trạng do trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên môi trường cung cấp, do hết thời hiệu xử phạt nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định khắc phục hậu quả cho bà V là đúng quy định pháp luật. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm vì vụ án hành chính bà V khởi kiện đối với quyết định biện pháp khắc phục hậu quả năm 2017, được xét xử vào tháng 8/2023; Năm 2020 bà V tiếp tục khởi kiện đối với quyết định cưỡng chế và vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vào tháng 9/2023. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần nhập 02 vụ án để xét xử trong cùng 01 vụ án để đảm bảo cho việc xét xử, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết riêng biệt từng vụ việc nên cần phải rút kinh nghiệm.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật, kháng cáo của người bị kiện, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc phần đất bà V đang quản lý sử dụng như sau:

Trước năm 1975 do Dòng C Cứu Thế sử dụng làm trại heo. Tại Bản án hình sự số 269 ngày 09/9/1980 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên tịch thu toàn bộ Khu đất 9,68ha, trong đó có diện tích 329,3m² đất mà bà V đang tranh chấp. Sau đó, Ủy ban nhân dân quản lý và có đăng ký sử dụng ngày 20/7/1984 tại sổ đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 25/3/1994, Ủy ban nhân dân huyện T giao toàn bộ diện tích đất trên cho Văn phòng T5 quản lý, sử dụng làm cơ sở nuôi heo. Năm 1998, tiếp tục chuyển giao cho Công ty P với tổng diện tích 9,68ha theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 112/ĐĐĐC-KT ngày 12/3/1998 để thực hiện dự án đầu tư khai thác khu đất cơ sở chăn nuôi heo được ghi nhận trong Báo cáo thực địa ngày 27/3/1998 của Phòng Q. Ngày 24/12/1999 Ủy ban nhân dân Thành phố H có văn bản số 1772/VP-QLĐT chấp thuận đề nghị của Kiến trúc sư Trưởng Thành phố về hoán đổi diện tích 9,68ha tại vị trí khác cho Công ty P do khu đất này được xử lý bồi. Ngày 13/3/2001 Ủy ban nhân dân quận T có Văn bản số 619/UB giao toàn bộ khu đất khoảng 9,68 ha nêu trên cho Công ty C1. Ngày 19/6/2001 Công ty C1 đã ký Hợp đồng giao việc số 73/HĐ với ông Lê Ngọc T2 bảo vệ khu đất không để các cá nhân hoặc tổ chức xây dựng, lấn chiếm đất.

Tuy nhiên ông T2 không những không thực hiện như thỏa thuận, mà năm 2002 chuyển nhượng lại cho bà V bằng giấy tay. Như vậy, thời điểm bà V bắt đầu quản lý sử dụng vào năm 2002 bà V (do nhận chuyển nhượng từ ông T2) thì phần đất đã do Nhà nước quản lý.

[4] Tòa án sơ thẩm nhận định: Năm 2008 Chi cục Thuế quận T đã có thông báo yêu cầu ông T2 nộp thuế năm 2008 cho phần đất trên, và bà V có quá trình sử dụng đất liên tục từ năm 2002 nên bà V đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nhận định này của Bản án sơ thẩm là chưa đủ căn cứ, bởi: Hồ sơ vụ án thể hiện ngày 22/02/2008 Chi cục Thuế quận T đã có Văn bản số 415/CCT-NV xác nhận đã xóa bộ thuế từ năm 2008 trở về trước kèm theo danh sách có tên ông Lê Ngọc T2 (số thứ tự 55) với lý do ông T2 kê khai đóng thuế vào khu đất công. Quá trình quản lý sử dụng, bà V không đăng ký sử dụng phần đất này mà là Ủy ban nhân dân xã T, sau này là Ủy ban nhân dân phường L đăng ký hồ sơ quản lý khu đất. Căn cứ theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 03/07/HAA-2008 ngày 02/01/2009 do của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X2 và Bản đồ hiện trạng cắm mốc bàn giao ranh dự án số 75247/BĐBĐ-HĐ

ngày 08/02/2010 do Trung tâm Đo đạc Bản đồ - Sở T6 cung cấp ghi nhận Thửa số 50, 51, 52, Tờ bản đồ số 54 (theo tài liệu năm 2004) là đất vườn. Tài liệu chứng cứ trên thể hiện việc bà V quản lý, sử dụng đất là không đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 4876/QĐ-KPHQ ngày 10/8/2017 về việc “Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả” đối với hành vi chiếm đất phi nông nghiệp, buộc bà V trả lại phần đất này là có căn cứ.

[5] Ngoài ra, Biên bản vi phạm hành chính số 27/BB- VPHC ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân phường L xác định thời điểm chiếm đất là tháng 01/2002. Tại thời điểm này thì văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực thi hành là Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Đất đai năm 1993, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/7/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003 để giải quyết là áp dụng không đúng căn cứ pháp luật.

Trong vụ án này, bà V đang khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, không yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại cho rằng bà V đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là nhận định và giải quyết không đúng với yêu cầu khởi kiện.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm đã xét xử chưa đánh giá đầy đủ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[7] Án phí:

- Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm;
- Người bị kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

I/Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 6950/QĐ-VKS-HC ngày 14/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa bản án sơ thẩm số 1578/2023/HC-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai”; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về “Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”; Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ “Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”; Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Đất đai năm 1993; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X1:

1/Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai V về việc Hủy nội dung “và trả lại đất đã chiếm” tại dòng thứ 6 (từ trên xuống), trang 2 của Quyết định số 4876/QĐ-KPHQ ngày 10/8/2017 về việc “Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả” Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2/Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mai V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/47642 ngày 11/9/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu.

II/Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu, hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0002424 ngày 04/10/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (1);
- Lưu (10) 17b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu

